

PHỤ LỤC
CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU VỀ KINH TẾ - XÃ HỘI, QUỐC PHÒNG - AN NINH NĂM 2026
(Kèm theo Nghị quyết số /NQ-HĐND ngày /7/2026 của HĐND xã Tân Lợi)

STT	Kế hoạch năm 2026		Kế hoạch điều chỉnh 6 tháng cuối năm 2026	
	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2026	Chỉ tiêu	Kế hoạch điều chỉnh năm 2026
I	Về kinh tế (02 chỉ tiêu)			
1	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn được giao (tỷ đồng)	92,740	Thu ngân sách nhà nước trên địa bàn được giao (tỷ đồng)	100,800
	Thu cân đối ngân sách địa phương (tỷ đồng)	176,763	Thu cân đối ngân sách địa phương (tỷ đồng)	227,658
2	Chi ngân sách (tỷ đồng)	176,763	Chi ngân sách (tỷ đồng)	227,658
II	Về chỉ tiêu môi trường (03 chỉ tiêu)			
3	Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh (%)	99	Tỷ lệ hộ dân sử dụng nước hợp vệ sinh (%)	99
	Tỷ lệ dân số nông thôn sử dụng nước sạch đáp ứng quy chuẩn (%)	81		
4	Tỷ lệ che phủ rừng (%)	39,51	Tỷ lệ che phủ rừng (%)	35,32
5	Thu gom chất thải rắn sinh hoạt đến nơi xử lý theo quy định (đối với xã nông thôn) (%)	78,8	Tỷ lệ thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt (%)	80
III	Về an sinh - xã hội (07 chỉ tiêu)			
6	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026-2030) (%)	Giảm từ 1-1,5%	Tỷ lệ hộ nghèo (theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2026-2030) (%)	Giảm từ 1-1,5%
7	Trạm Y tế xã có bác sĩ làm việc	Đạt	Trạm Y tế xã có bác sĩ làm việc	Đạt
8	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh (Tuổi)	76,98	Tuổi thọ trung bình tính từ lúc sinh (Tuổi)	76,98
9	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế (%)	96	Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế (%)	96
10	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội đạt (%)	53	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội đạt (%)	53
11	Thu nhập bình quân đầu người khoảng 71 triệu đồng/năm (theo chỉ tiêu nghị quyết Đảng bộ xã nhiệm kỳ 2025-2030) (triệu đồng)	71	Thu nhập bình quân đầu người khoảng 71 triệu đồng/năm (theo chỉ tiêu nghị quyết Đảng bộ xã nhiệm kỳ 2025-2030) (triệu đồng)	71
12	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp đạt (%)	46	Tỷ lệ lực lượng lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm thất nghiệp đạt (%)	46
IV	Về văn hoá, giáo dục và đào tạo (03 chỉ tiêu)			
13	Duy trì các trường mầm non, trường TH và THCS đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia; phấn đấu 01 đạt chuẩn quốc gia	Đạt	Tiếp tục duy trì (04) Trường mầm non, Trường TH và THCS đã được công nhận đạt chuẩn quốc gia	Đạt

14	Số lao động có việc làm trong nền kinh tế:		Số lao động có việc làm trong nền kinh tế:	
	Nông, lâm nghiệp, thủy sản: (%)	53	Nông, lâm nghiệp, thủy sản: (%)	53
	Công nghiệp - Xây dựng (%)	35,8	Công nghiệp - Xây dựng (%)	35,8
	Dịch vụ (%)	11,2	Dịch vụ (%)	11,2
15	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ (%)	24,66	Tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ (%)	24,66
V	Về quốc phòng -an ninh, trật tự an toàn xã hội (03 chỉ tiêu)			
16	Hoàn thành chỉ tiêu giao quân do trên giao (%)	100	Hoàn thành chỉ tiêu giao quân do trên giao (%)	100
17	Công tác đảm bảo trật tự an toàn xã hội (%)	100	Công tác đảm bảo trật tự an toàn xã hội (%)	100
18	Xã không có ma túy	Đạt	Xã không có ma túy	Đạt